

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 111/2008/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2008

**NGHỊ ĐỊNH**

**quy định mức lương tối thiểu vùng đối với lao động Việt Nam làm việc cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế và cá nhân người nước ngoài tại Việt Nam**

## CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Bộ luật lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật lao động ngày 02 tháng 4 năm 2002; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật lao động ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Nghị quyết số 56/2006/NQ-QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 của Quốc hội khóa XI về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2006 - 2010;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,*

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mức lương tối thiểu vùng dùng để trả công đối với người lao

động làm công việc giản đơn nhất trong điều kiện lao động bình thường cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế và cá nhân người nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 theo các vùng như sau:

1. Mức 1.200.000 đồng/tháng áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng I.

2. Mức 1.080.000 đồng/tháng áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng II.

3. Mức 950.000 đồng/tháng áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng III.

4. Mức 920.000 đồng/tháng áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng IV.

Danh mục các địa bàn vùng I, vùng II, vùng III, vùng IV tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

## **Điều 2.**

1. Mức lương tối thiểu vùng quy định tại Điều 1 Nghị định này được dùng làm căn cứ tính các mức lương trong thang lương, bảng lương, các loại phụ cấp lương, tính các mức lương ghi trong hợp đồng lao động, thực hiện các chế độ khác do doanh nghiệp xây dựng và ban hành theo thẩm quyền do pháp luật lao động quy định.

2. Mức tiền lương thấp nhất trả cho người lao động đã qua học nghề (kể cả lao động do doanh nghiệp tự dạy nghề) phải cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu vùng quy định tại Điều 1 Nghị định này.

3. Khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện mức lương tối thiểu cao hơn mức lương tối thiểu vùng quy định tại Điều 1 Nghị định này.

4. Căn cứ mức lương tối thiểu vùng quy định tại Điều 1 Nghị định này, doanh nghiệp điều chỉnh lại tiền lương trong hợp đồng lao động cho phù hợp.

## **Điều 3.**

1. Mức lương tối thiểu vùng quy định tại Điều 1 Nghị định này được điều chỉnh

tùy thuộc vào mức tăng trưởng kinh tế, chỉ số giá sinh hoạt và cung cầu lao động theo từng thời kỳ.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sau khi lấy ý kiến Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, đại diện người sử dụng lao động và Bộ, ngành liên quan trình Chính phủ điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng quy định tại Điều 1 Nghị định này.

**Điều 4.** Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Bãi bỏ Nghị định số 168/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với lao động Việt Nam làm việc cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế và cá nhân người nước ngoài tại Việt Nam.

**Điều 5.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

## Phụ lục

**QUY ĐỊNH DANH MỤC CÁC ĐỊA BÀN  
ÁP DỤNG MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU VÙNG**  
(ban hành kèm theo Nghị định số 111/2008/NĐ-CP  
ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ)

1. Vùng I, gồm các địa bàn:
  - Các quận và thành phố Hà Đông thuộc thành phố Hà Nội;
  - Các quận thuộc thành phố Hồ Chí Minh.
2. Vùng II, gồm các địa bàn:
  - Các huyện Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn, Thanh Trì, Từ Liêm, Thường Tín, Hoài Đức, Đan Phượng, Thạch Thất, Quốc Oai và thành phố Sơn Tây thuộc thành phố Hà Nội;
  - Các huyện thuộc thành phố Hồ Chí Minh;
  - Các quận và các huyện Thủy Nguyên, An Dương thuộc thành phố Hải Phòng;
  - Các quận, huyện thuộc thành phố Đà Nẵng;
  - Các quận Ninh Kiều, Bình Thủy thuộc thành phố Cần Thơ;
  - Thành phố Hạ Long thuộc tỉnh Quảng Ninh;
  - Thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh và các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom thuộc tỉnh Đồng Nai;
- Thị xã Thủ Dầu Một và các huyện Thuận An, Dĩ An, Bến Cát, Tân Uyên thuộc tỉnh Bình Dương;
- Thành phố Vũng Tàu và huyện Tân Thành thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
3. Vùng III, gồm các địa bàn:
  - Các thành phố trực thuộc tỉnh (trừ các thành phố thuộc tỉnh nêu tại vùng II)
  - Các huyện còn lại thuộc thành phố Hà Nội;
  - Thành phố Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn và các huyện Quế Võ, Tiên Du, Yên Phong thuộc tỉnh Bắc Ninh;
  - Thành phố Bắc Giang và các huyện Việt Yên, Yên Dũng thuộc tỉnh Bắc Giang;
  - Thị xã Hưng Yên và các huyện Mỹ Hào, Văn Lâm, Văn Giang, Yên Mỹ thuộc tỉnh Hưng Yên;
  - Thành phố Hải Dương và các huyện Cẩm Giàng, Nam Sách, Chí Linh, Kim Thành, Kinh Môn thuộc tỉnh Hải Dương;
  - Thành phố Vĩnh Yên, thị xã Phúc Yên thuộc tỉnh Vĩnh Phúc;

- Các huyện còn lại thuộc thành phố Hải Phòng;

- Thành phố Móng Cái, các thị xã Uông Bí, Cẩm Phả thuộc tỉnh Quảng Ninh;

- Thành phố Đà Lạt, thị xã Bảo Lộc thuộc tỉnh Lâm Đồng.

- Thành phố Nha Trang, thị xã Cam Ranh thuộc tỉnh Khánh Hòa;

- Huyện Trảng Bàng thuộc tỉnh Tây Ninh;

- Các huyện còn lại thuộc tỉnh Bình Dương;

- Các huyện còn lại thuộc tỉnh Đồng Nai;

- Thị xã Tân An và các huyện Đức Hòa, Bến Lức, Cần Đước thuộc tỉnh Long An;

- Các quận, huyện còn lại thuộc thành phố Cần Thơ;

- Thị xã Bà Rịa và các huyện Châu Đức, Long Điền, Đất Đỏ, Xuyên Mộc thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Vùng IV, gồm các địa bàn còn lại./.